

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2022/DS-ST
Ngày: 28/11/2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sở;
- Bà Lương Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2022/TLST-DS, ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-DS, ngày 26/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2022/QĐST-DS ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 203/42C, Quốc lộ Z, Phường X, thành phố T, tỉnh L.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn L, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp B, xã BT, huyện Ch, tỉnh L (Có mặt);

- Bị đơn: Bà Bùi Thị K, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 01, đường Phan Đình Phùng, Phường Y, thành phố T, tỉnh L (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2022 của bà Phan Thị K và những lời trình bày tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền như sau:

- Ngày 14/01/2021 bà Phan Thị K có cho bà Bùi Thị K vay số tiền 40.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, thời hạn vay là 01 tháng.

- Ngày 24/01/2021 bà Phan Thị K tiếp tục cho bà K vay số tiền 36.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, thời hạn vay là 01 tháng.

- Ngày 01/02/2021 bà Phan Thị K tiếp tục cho bà K vay số tiền 14.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Khi vay hai bên có viết giấy mượn tiền, thời hạn vay là 01 tháng.

Sau khi vay thì bà K không có trả lãi cho bà Y và đến hạn trả nợ, mặc dù yêu cầu nhiều lần nhưng bà K cũng không trả tiền vốn vay cho bà Y. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà K trả số tiền vốn vay là 90.000.000đ, đối với yêu cầu tính lãi bà Y rút lại, không yêu cầu bà K phải trả tiền lãi.

2. Bị đơn, bà Bùi Thị K, trình bày:

- Tháng 01/2018 bà có vay của bà Y số tiền 10.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Mỗi tháng bà đóng cho bà Y 500.000đ tiền lãi.

- Tháng 02/2019 bà tiếp tục vay của bà Y số tiền 10.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Mỗi tháng bà đóng cho bà Y 500.000đ tiền lãi.

- Tháng 02/2020 bà có tiếp tục vay của bà Y số tiền 10.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Mỗi tháng bà đóng cho bà Y 500.000đ tiền lãi.

- Ngày 14/01/2021 bà có tiếp tục vay của bà Y số tiền 10.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Ngày 14/01/2021 thì hai bên có chốt lại toàn bộ số nợ, theo đó bà có nợ bà Y số tiền 40.000.000đ và có viết giấy mượn tiền.

- Ngày 24/01/2021 bà có tiếp tục vay của bà Y số tiền 36.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả.

- Tháng 01/02/2021 bà có tiếp tục vay của bà Y số tiền 14.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả.

Chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 14/01/2021; ngày 01/02/2021; ngày 24/01/2021 là do bà viết và chữ ký là của bà, tuy nhiên chữ viết “LS 2%/tháng” là không phải của bà.

Tổng cộng bà có vay của bà Y số tiền 90.000.000đ. Từ tháng 02/2021 mỗi tháng bà trả cho bà Y 4.500.000đ tiền lãi, trả đến tháng 07/2021 do dịch covid nên bà ngưng không trả lãi cho bà Y. Đến tháng 11/2021 thì trả lãi 10.000.000đ, ngày 28/01/2022 trả lãi 4.000.000đ và bà Y đồng ý không tính lãi với bà nữa và hai bên có thỏa thuận đến tháng 9/2022 sẽ thanh toán hết số tiền nợ gốc, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có điều kiện thanh toán. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền vốn vay là 90.000.000đ. Bà đồng ý trả tiền cho bà Y nhưng xin trả mỗi tháng 500.000đ cho đến khi kết thúc nợ.

Tại phiên tòa:

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn, ông Lê Văn L xin rút lại yêu cầu trả số tiền lãi là 27.000.000đ, đồng thời vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như tóm tắt nội dung vụ án

- Bị đơn bà Bùi Thị K trình bày: Hiện tại bà đang nợ rất nhiều người nên không có khả năng trả nợ một lần cho bà Y. Bà xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi kết thúc nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phan Thị K khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị K trả số tiền vay là 90.000.000đ làm phát sinh quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Do bị đơn bà Bùi Thị K cư trú tại Phường 2, thành phố T, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Phan Thị K yêu cầu bà Bùi Thị K trả số tiền vốn vay là 90.000.000đ theo các “giấy mượn tiền” ngày 14/01/2021, ngày 24/01/2021 và ngày 01/02/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị K thừa nhận có vay của bà Y số tiền 90.000.000đ, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không*

phải chứng minh”. Do đó bà Phan Thị K khởi kiện là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với ý kiến của bà Bùi Thị K xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết số nợ 90.000.000đ. Xét thấy, ý kiến của bà K không được bà Y đồng ý. Mặt khác, việc trả nợ theo ý kiến của bà K sẽ gây ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của bà Y nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu trả số tiền lãi là 27.000.000đ, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà Y đã rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà Y.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà Võ Thị Phương Kiều được chấp nhận. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thanh là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Tòa án chấp nhận miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Thanh theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Phương Kiều. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh phải trả bà Võ Thị Phương Kiều số tiền vốn vay 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Phương Kiều không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Kiều số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000đ (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001844 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L.

- Bà Nguyễn Thị Thanh thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không đề cập.

3/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND Tp T;
- CC THA DS Tp T;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Tuấn Phan